

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO MIỀN BẮC VỚI SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

LÊ TÂM ĐẮC*

Trước khi đề cập đến những đóng góp cụ thể của Phật giáo Miền Bắc đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỉ XX, cần bàn lại 2 vấn đề có tính chất lí luận liên quan đến nội dung này.

Vấn đề thứ nhất: Mối quan hệ giữa Phật giáo với chính trị xã hội. Theo Nguyễn Tài Thư: "Phật giáo không bàn tới lĩnh vực chính trị. Lí luận của nó không có phần nào là thuộc về vấn đề chính trị - xã hội"⁽¹⁾. Hà Thúc Minh cũng có quan điểm tương tự: "Phật giáo không phải là học thuyết về chính trị"⁽²⁾.

Trước đó, trong thập niên 50 của thế kỉ XX, nhà xã hội học tôn giáo nổi tiếng người Đức Marx Weber cũng từng nhận định như vậy. Cụ thể, Marx Weber giải thích: Giáo lí của Phật giáo không liên quan đến chính trị và đời sống xã hội cộng đồng bởi vì tôn giáo này chỉ liên quan đến mô thức đạo đức và hệ thống thiên định của cá nhân. Do đó, Phật giáo không những là phi chính trị (unpolitical) mà thậm chí còn là phản chính trị (antipolitical)⁽³⁾.

Tuy nhiên, Trần Thanh Hoàng và Cung Tuấn lại chứng minh ngược lại. Theo đó, Phật giáo luôn có mối quan hệ

với chính trị xã hội. Kinh điển của tôn giáo này đã hàm chứa nhiều nội dung thảo luận vấn đề xã hội và chính trị. Cho nên, quan điểm về chính trị xã hội của Phật giáo không những có thể ứng dụng với xã hội cổ đại và chính trị thời kì phong kiến, mà còn có thể ứng dụng đối với thế giới hiện đại và chính trị dân chủ. Những sự kiện cụ thể về quan hệ giữa Phật giáo với chính trị xã hội thể hiện trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc và chống chủ nghĩa thực dân ở nhiều nước Châu Á có Phật giáo đầu thế kỉ XX đã chứng minh cho luận điểm này⁽⁴⁾. Chúng tôi đồng ý với quan điểm

*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Nguyễn Tài Thư. *Phật giáo và thế giới quan người Việt Nam trong lịch sử*, trong: *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học. Hà Nội 1986, tr.37.

2. Hà Thúc Minh. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*, trong: *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học. Hà Nội 1986, tr.42.

3. Xem: Cung Tuấn (Trần Anh Đào dịch). *Thích ứng và phản kháng: Thảo luận từ hai dẫn chứng về mối quan hệ giữa Phật giáo truyền thống và chính trị Đông Á thời kì cận đại*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 7 (49), năm 2007, tr.3-12.

4. Xem: Cung Tuấn (Trần Anh Đào dịch). *Thích ứng và phản kháng: Thảo luận từ hai dẫn chứng về mối quan hệ giữa Phật giáo truyền thống và chính trị Đông Á thời kì cận đại*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 7 (49), năm 2007, tr.3-12.

của Trần Thanh Hoàng và Cung Tuấn.

Vấn đề thứ hai: Về tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi tán đồng với ý kiến của Hà Thúc Minh rằng, Phật giáo nguyên thủy không phải là một học thuyết về chủ nghĩa yêu nước. Nói cách khác, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm không phải là bộ phận hữu cơ của Phật giáo. Nhưng muốn tồn tại ở Việt Nam, vốn là nơi có truyền thống chống ngoại xâm oanh liệt, Phật giáo không thể không thấm đượm tinh thần yêu nước. Có lẽ chính người Việt Nam đã thổi vào Phật giáo tinh thần yêu nước⁽⁵⁾.

Thực tế lịch sử cho thấy, ngoại trừ thiểu số trong một không gian và thời gian nhất định nào đó, nhìn chung Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc. Khi Tổ quốc lâm nguy, nhiều Phật tử sẵn sàng "cởi áo cà sa khoác chiến bào", như lời tuyên bố đúng đắn của nhà sư Thích Minh Nguyệt: "Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào với dân tộc Việt Nam, hoà mình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không thể khép kín hoặc tách rời khỏi cộng đồng đó. Đứng trước hoạ xâm lăng đương đe doạ Tổ quốc, người Phật tử không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh cầu nguyện, mặc cho kẻ thù đem súng đến tàn sát những người ruột thịt của mình. Có ý thức như vậy và hành động đúng như vậy, tăng ni Phật tử mới thể hiện đúng tinh thần "vô ngã, vị tha" của Đức Phật, nghĩa là người Phật tử luôn quên mình cứu độ chúng sinh"⁽⁶⁾.

Ngay cuối thập kỉ 20 thế kỉ XX, trong hoạt động cũng như trong phát ngôn của nhiều nhà sư nhiệt huyết với phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc, nhất là

những thanh niên tăng như Tâm Lai, Tâm Nhạ, Tâm ứng, Tâm Thái. Trí Hải,... đều tỏ rõ tư tưởng chấn hưng Phật giáo là một hình thức cứu quốc. Vì tư tưởng này, họ đã gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong các hoạt động chấn hưng Phật giáo, cả từ phía chính quyền thực dân Pháp lẫn từ phía các vị cao tăng. Tuy nhiên, những khó khăn trở ngại đó đã không ngăn cản được tấm lòng yêu nước của các tăng ni, Phật tử chân chính.

Trước năm 1945, trong Điều lệ đăng kí với chính quyền, Hội Phật giáo Bắc Kỳ tuyên bố không tham dự các hoạt động chính trị, nhưng trên thực tế tổ chức Phật giáo này vẫn ủng hộ các tầng ni, Phật tử và hội viên của mình tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc dưới nhiều hình thức khác nhau.

Thời kì diễn ra phong trào chấn hưng Phật giáo cũng là thời kì phong trào cách mạng ở Hà Nội và ở các tỉnh thành Bắc Bộ rất sôi động. Bầu không khí cách mạng đó đã cuốn hút các tầng lớp nhân dân, trong đó có một bộ phận không nhỏ giới tăng ni, Phật tử vào dòng thác của phong trào cách mạng. Năm 1937, trong *Chủ trương tổ chức mới của Đảng*, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định: "Không có khi nào mà phong trào mạnh và rộng như mấy tháng vừa qua. Từ các tầng lớp lao động cho tới các bộ phận cấp tiến trong các giai cấp hữu sản; từ cộng sản cho tới tả phái Đảng Lập

5. Xem: Hà Thúc Minh. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*, trong: *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học. Hà Nội 1986.

6. Dẫn theo: Hà Thúc Minh. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo*, trong: *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học. Hà Nội 1986, tr. 47.

hiến; từ những kẻ tự do tín ngưỡng cho tới các người theo Cao Đài, Thiên Chúa, *Phật giáo*; từ người bốn xứ cho tới người ngoại quốc (Trung Quốc, Pháp); từ dân tộc Việt Nam cho tới bộ lạc hậu tiến; từ phụ nữ, thiếu niên cho tới người già đều bị lôi cuốn vào phong trào, đều nô nức và nhiệt liệt cùng nhau chen vai thích cánh tham gia cuộc vận động đòi những yêu cầu thiết thực"⁽⁷⁾.

Nhiều tăng ni, Phật tử đã tham gia tích cực vào phong trào quần chúng, Mặt trận Việt Minh các cấp tiến tới cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Năm 1944, Hội Phật giáo Bắc Kỳ kết hợp với Hội Thánh (Công giáo), một số tổ chức từ thiện như Hội Phúc Thiện, Hội Hợp Thiện, Hội Quảng Thiện, và một số tờ báo như Đông Pháp, Ngọ Báo, Trung Bắc Tân Văn, v.v... thành lập Ban Cứu tế Mùa Đông để giúp đỡ đồng bào thiếu áo chống rét.

Đầu năm 1945, trước nạn đói ngày càng trầm trọng, Thượng toạ Trí Hải (đại diện Hội Phật giáo Bắc Kỳ tại Ban Cứu tế Mùa Đông) cùng với Thượng toạ Tố Liên và cư sĩ Thiều Chửu thành lập Tổng hội Cứu tế. Được sự cộng tác của các thành viên Ban Cứu tế Mùa Đông, các nhà trí thức và nhà từ thiện khắp Miền Bắc, Tổng hội Cứu tế đã tổ chức quyên góp giúp đỡ những người đói khổ, lập Cô nhi viện tại Trường Phổ Quang nuôi hơn 200 trẻ em thất lạc, bơ vơ trong nạn đói. Tổng hội còn lập một trại nuôi đồng bào bị đói tại Ngã Tư Vọng - Giáp Bát (Hà Nội) cứu đói cho hàng nghìn người"⁽⁸⁾.

Sát ngày diễn ra Cách mạng Tháng Tám, trước khí thế thắng lợi của cách

mạng đến rất gần, báo Đuốc Tuệ, cơ quan ngôn luận của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, số báo chót (số 257-258), ra ngày 15 tháng 8 năm 1945, đã kêu gọi: "Tăng ni các hạt mau mau lập đoàn Tăng già Cứu quốc, theo mục đích mà tham gia vào công cuộc cách mạng hiện thời". Bìa sau của số Đuốc Tuệ này đăng những khẩu hiệu và những lời kêu gọi như:

"Ủng hộ chính quyền Nhân Dân

Mau mau gia nhập Đội quân Giải phóng Việt Nam!

Chống mọi cuộc xâm lăng!

Việt Nam độc lập hoàn toàn!

Hãy sửa soạn nghênh tiếp Chính phủ Lâm thời và Đoàn quân Giải phóng sắp về tới nơi!

Hãy đọc Cứu Quốc, cơ quan của Mặt trận Việt Minh"⁽⁹⁾.

Tuy nhiên, sự đóng góp của Phật giáo Miền Bắc cho cách mạng thực sự rõ ràng và tiêu biểu sau khi đất nước giành được độc lập năm 1945. Các đoàn thể Tăng già Cứu quốc và Phật giáo Cứu quốc được thành lập ở khắp nơi. Ngày 30 tháng 8 năm 1945, tại chùa Phương Mỹ, Hội Phật giáo Cứu quốc phủ Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An (nay thuộc thành phố Hải Phòng) được thành lập, do ông Lương Ngọc Trự làm Chủ tịch, Thượng toạ Thái Hoà làm Trưởng ban Chấp hành. Đây là phủ bộ đầu tiên ở Bắc Bộ thành lập Phật

7. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập. Tập 6 (1936-1939)*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2000, tr. 226.

8. Hoà thượng Thích Trí Hải. *Hồi kí thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2004, tr. 60-65.

9. Dẫn theo: Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận. Tập I-II-III*. Nxb Văn học. Hà Nội 2000, tr. 901.

giáo Cứu quốc. Thượng toạ Thái Hoà còn là Chủ tịch Hội Tăng già Cứu quốc tỉnh Hải Dương. Ngoài Thượng toạ Thái Hoà, có nhiều nhà sư ở Bắc Bộ tham gia vào các đoàn thể Tăng già Cứu quốc và Phật giáo Cứu quốc như: Thích Trí Độ (1894-1979), Thích Thanh Chân (1905-1989), Thích Thế Long (1909-1985), v.v...⁽¹⁰⁾

Các hoạt động đặc thù của Phật giáo như cứu tế xã hội tiếp tục được phát huy, với vai trò nổi bật của các thượng toạ Trí Hải, Tố Liên,... Với những kết quả đáng kể đạt được, Thượng toạ Trí Hải được mời làm cố vấn Bộ Cứu tế Xã hội của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trên cương vị cố vấn, ông được tham dự cuộc họp đầu tiên của Bộ Xã hội tại Trường Viễn Đông Bác cổ, dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thành lập Ban Cứu đói Thủ đô. Thượng toạ Tố Liên được tín nhiệm đề cử tham gia đại biểu Quốc hội khoá I năm 1946.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp tái chiếm Việt Nam, nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến trường kì. Trước khí thế sôi động của cuộc kháng chiến, nhiều nhà sư các tỉnh thành Bắc Bộ tình nguyện lên đường phục vụ hoặc trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ Nhà nước Việt Nam non trẻ.

Thượng toạ Thanh Chân là Ủy viên Thường trực Mặt trận Liên Khu 3 trong suốt thời kì kháng chiến chống Pháp. Đáng kể nhất là phong trào "cởi áo cà sa khoác chiến bào" diễn ra một cách sôi nổi tại nhiều tỉnh thành Bắc Bộ. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, tăng ni tỉnh Kiến An đã thành lập Bộ đội Tăng già, có 15 nhà sư tình nguyện cởi áo cà sa xung phong ra chiến trường. Ngày 27 tháng 2 năm 1947, Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh

Nam Định, cùng đại diện chính quyền tỉnh Nam Định, long trọng làm lễ cởi áo cà sa, tiễn đưa 24 nhà sư (có 2 nữ) tòng quân tại trụ sở của Hội ở chùa Cổ Lễ (huyện Nam Trực). Trước lúc nhập ngũ, sư Đàm Thành, tu hành tại chùa Cổ Lễ, đã viết bài thơ nói lên tâm trạng náo nức ra trận chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc:

Cởi áo cà sa khoác chiến bào

Việc quân đâu có quản gian lao

Gậy thiền quét sạch loài xâm lược

Theo gót Trưng Vương tử nữ hào⁽¹¹⁾.

Trong hàng ngũ đông đảo tự vệ xung phong của thị xã Ninh Bình và huyện Gia Khánh (tỉnh Ninh Bình), có tới 60 sư nữ. Họ vốn tu tại các chùa Chùa Bát, Phúc Am, Phúc Chĩnh, Non Nước, Bộ Đầu, Ba Vuông,... Các nhà sư ấy nài nịt gọt gành trong bộ quần áo nâu, thắt lưng nâu, khăn vuông nâu, hăng hái trong đội ngũ làm công tác tiếp tế, tuần tiểu,... và sau đó phần lớn trở thành cứu thương của các đơn vị bộ đội chiến đấu hoặc hộ lí trong các trạm quân y⁽¹²⁾.

Trên thực tế, đúng như Nguyễn Quốc Tuấn nhận xét, số tăng ni, Phật tử phục vụ hoặc trực tiếp tham gia chiến đấu không phải là hiện tượng tiêu biểu cho Phật giáo tham gia kháng chiến. Số đông giới Phật giáo tham gia kháng chiến một

10. Xem: Nguyễn Đại Đồng. *Chùa Quán Sứ*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2006; Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Bắc Bộ trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1947-1954)*. Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 3 (89), năm 2007.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam Ninh. *Hà Nam Ninh: Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp*. 1986, tr. 110.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam Ninh. Sdd, tr. 110.

cách gián tiếp, bằng nhiều hình thức, từ bất hợp tác với kẻ ngoại xâm và nguy quyền đến nuôi dưỡng người kháng chiến trong cơ sở trụ trì của mình: phải hợp tác từng mặt với kẻ ngoại xâm, với người của chính quyền do thực dân lập ra.v.v... Nhưng những hoạt động tôn giáo và nuôi dưỡng tình cảm và tâm hồn dân tộc vẫn là một sự đóng góp lớn lao vào công cuộc kháng chiến. Đó là một sự đóng góp thầm lặng, một sự đóng góp không tiếng súng. Những người kháng chiến vũ trang, những người cộng sản đã nhận ra điều đó và trong quá trình đấu tranh đã tận dụng tối đa sự tham gia kháng chiến không tiếng súng này⁽¹³⁾.

Tiêu biểu cho Phật giáo Miền Bắc gián tiếp tham gia kháng chiến là những hoạt động của các nhà sư trong vùng tạm địch chiếm, mà Thượng toạ Tố Liên là một trong những trường hợp điển hình. Xin dẫn một số chi tiết có tính tiêu biểu về những hoạt động đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Thượng toạ Tố Liên trước và sau Cách mạng Tháng Tám.

Trước năm 1945, khi quân Nhật vào Hà Nội, Thượng toạ Tố Liên được Hội Phật giáo Bắc Kỳ giao nhiệm vụ tiếp đón phái đoàn Phật giáo Nhật Bản do Lập Hoa Đạo Nhân làm trưởng đoàn, cùng 3 vị đoàn viên, ăn nghỉ tại chùa Quán Sứ. Hai lần Lập Hoa Đạo Nhân yêu cầu Thượng toạ Tố Liên dạy tiếng Việt, ông đều từ chối. Trước đó, Hội Phật giáo Bắc Kỳ cử 8 thanh niên (xuất gia và tại gia) học tiếng Nhật, ông phản đối quyết liệt, về sau chỉ để lại 2 người học. Lập Hoa Đạo Nhân chất vấn về việc này, ông trả lời:

"Các vị ấy còn ít tuổi chưa hiểu gì về Phật pháp, dù học thông tiếng quý quốc

cũng không nói được chuyện đạo với quý ngài, còn như học để thông ngôn thì chỉ cần 2 người là đủ. Nếu như cần học để hoạt động chính trị với quý ngài sẽ sai với Điều lệ của bản Hội"⁽¹⁴⁾.

Sau này, nhận thấy đoàn Phật giáo Nhật Bản hoạt động không thuần túy Phật giáo nên ông đã bỏ về Côn Sơn (Hải Dương), được vài tháng thì quân Nhật đảo chính Pháp.

Khi quân Pháp tái chiếm Hà Nội, ông không tản cư mà ở lại vì cho rằng chùa Quán Sứ là trụ sở của Phật giáo Việt Nam cần phải duy trì hoạt động. Chiếm được Hà Nội, quân Pháp vào chùa Quán Sứ, sau khi tra xét, đã bắt ông và người thông ngôn. Một viên quan ba Pháp, cầm tờ báo Diêu Âm do Thượng toạ Tố Liên làm chủ bút, nói:

"Nước Pháp sang bảo hộ An Nam và mở mang nền thịnh vượng cho nước anh, khai hoá cho dân anh tiến bộ, các anh đã không ơn thì chớ lại còn nhục mạ nước Pháp đến thậm tệ là nghĩa làm sao. Báo của anh là cơ quan truyền bá đạo đức mà đi nhục mạ một nước có ơn lắm với nước anh, thế là đạo đức à? Anh là người chủ bút tờ báo đạo đức lại để cho nhân viên toà soạn nhục mạ nước Pháp là nước có ơn huệ với An Nam, thế là đạo đức à?".

Ông trả lời:

13. Nguyễn Quốc Tuấn (chủ nhiệm). *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX*. Đề tài Khoa học cấp Bộ, Hà Nội 2006, tr. 146.

14. Dẫn theo: Bùi Hữu Dược. *Đôi nét về cuộc đời và đóng góp của Hoà thượng Thích Tố Liên cho đạo pháp và dân tộc*, tham luận tại Hội thảo khoa học: *Hoà thượng Tố Liên (1903-1977) trong sự nghiệp xây dựng Phật giáo Việt Nam và Phật giáo thế giới* tổ chức tại Chùa Quán Sứ, Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2007.

"Nói người Pháp mở mang cho nước chúng tôi phồn thịnh, khai hoá cho dân chúng tôi tiến bộ, điều đó chúng nhận là có. Nhưng nếu khi nước chúng tôi đã được mở mang, phồn thịnh, dân chúng tôi đã được tiến bộ và trưởng thành mà nước Pháp trả lại nền độc lập cho dân chúng tôi thì dân chúng tôi không quên ơn nước Pháp; trái lại, nước Pháp đã không làm thế để cho bọn thực dân Pháp áp dụng chính sách quyết định vĩnh viễn nô lệ hoá dân chúng tôi. Bọn thực dân Pháp đã giết hại, tù đầy bao nhiêu nhà ái quốc của chúng tôi, gấn đây lại để cho dân chúng tôi chịu nạn đói rét, chết đến những 2 triệu người. Kể đến bọn thực dân Pháp hèn nhát để Nhật cướp mất quyền ở nước tôi, đưa dân chúng tôi đến thảm trạng nô lệ một lần nữa, bởi vậy chúng tôi nhục mạ bọn thực dân Pháp chứ không nhục mạ nước Pháp. Lại còn một điều tôi xin hỏi: Khi nước Đức chiến thắng Pháp đặt nền thống trị, lúc đó các ông là dân Pháp, các ông hoan hô quân Đức hay nhục mạ quân Đức?

Nền giáo dục truyền thống yêu nước của Việt Nam chúng tôi là ở thời đại nào dân anh hùng thì nước độc lập, thời đại nào dân hèn nhát thì nước bị đô hộ, dân bị nô lệ. Tôi đây tu hành theo đạo lí Đức Phật Thích Ca, Người là thầy độc nhất của tôi, không dạy chúng sinh nước nào cậy lớn mạnh đi xâm lăng bảo hộ, cũng không dạy chúng sinh nước nhỏ yếu cứ phải cúi cổ vĩnh viễn làm nô lệ cho bọn chúng sinh nước lớn thống trị. Huống chi tôi còn có bổn phận phục vụ Tổ quốc tôi, phụng sự nhân dân tôi. Vậy mà giữa lúc nhân dân tôi mới bừng tỉnh, trở dậy chiến đấu hi sinh để giành độc lập, lẽ tất nhiên tôi phải phát huy nền giáo dục truyền thống yêu

nước, vận động hô hào cho họ dũng mãnh, tinh tiến trước tinh thần đạo đức cách mạng quyết chiến, quyết thắng đem lại vinh quang cho Tổ quốc, cho dân tộc"⁽¹⁵⁾.

Sau những lần dùng các biện pháp cứng rắn không được, quân Pháp lấy lợi ích dụ ông. Chúng cho người đến chùa Quán Sứ nói: "Các máy móc và dụng cụ nhà in Đuốc Tuệ ở chùa Tế Độ quân đội chúng tôi lấy lại được, Thượng toạ chỉ việc biên thư đến xin, chúng tôi sẽ trả lại cho". Ông trả lời: "Tôi ở lại không tản cư là vì đạo nghĩa chứ không vì danh lợi, phạm làm việc gì có thể bị mang tiếng là Việt gian thì tôi không làm, còn như người Pháp gây chiến tranh sau này sẽ phải bồi thường, đương nhiên chúng tôi được hưởng sự bồi thường nhà in Đuốc Tuệ"⁽¹⁶⁾.

Khi sư Thiết và sư Đán ở chùa Đào Xuyên hoạt động kháng chiến bị địch bắt giam cầm ở nhà tù Hoả Lò (Hà Nội), ông đã liên lạc với người cai ngục xin cho tiếp tế quần áo và tiền bạc, lại khuyên người đưa đi làm để 2 nhà sư trốn thoát. Ông còn khuyến khích tín đồ sắm quần áo, thuốc men đưa ông gửi vào Hoả Lò, quyền tiền biếu các tù nhân bị giam rách rưới, bệnh tật nhưng chỉ được vài lần bị lộ nên phải ngừng.

Khi Quốc trưởng Bảo Đại từ nước ngoài về Đà Lạt, Tổng trấn Bắc Việt Nghiêm Xuân Thiện yêu cầu Hội Phật giáo Việt Nam cử ông và Bùi Thiện Cơ (Hội trưởng) vào Đà Lạt yết kiến. Gặp Quốc trưởng Bảo Đại, ông đem chuyện kháng chiến anh dũng của nhân dân nói cho Bảo Đại nghe, tả hết thảm trạng lầm

15. Bùi Hữu Dược. Bài đã dẫn.

16. Bùi Hữu Dược. Bài đã dẫn.

than đau khổ của nhân dân những khi bị quân địch càn quét.

Cũng trong dịp này, Tổng trưởng Bộ Giáo dục kiêm Bộ Lễ nghi Nguyễn Khoa Toàn ra Hà Nội, đến thăm chùa Quán Sứ, đề nghị: "Quốc trưởng đã về nước, ngài đã giành được độc lập, trong nước đã hoà bình, tôi đề nghị 2 tổ chức Phật giáo vận động cho toàn thể các Giáo hội Tăng già và các Chi hội Phật giáo toàn Bắc Bộ cử hành đại lễ mừng hoà bình độc lập". Ông đáp: "Hiện việc kháng chiến còn đang dữ dội, nhân dân còn đang lầm than đau khổ về mọi mặt, thực dân Pháp càn quét dã man, làm gì có hoà bình độc lập. Việc nội bộ của ta, người Pháp vẫn giữ quyền trọng yếu, nhân dân ta chưa thấy nước nhà độc lập thật sự thì theo ý chúng tôi, đại lễ hoà bình độc lập này hãy xin hoãn"⁽¹⁷⁾. Ý kiến này của ông được nhiều người ủng hộ nên đại lễ đó không được tổ chức.

Năm 1950, chính phủ nguy quyền đã cử phái đoàn Phật giáo Việt Nam, do Thượng toạ Tố Liên làm Trưởng đoàn, dự Hội nghị Phật giáo Thế giới tại Colombo, Sri Lanka. Trước khi xuất hành, mặc dù buộc phải nhận một khoản tiền trợ cấp lộ phí của Thủ hiến Bắc Việt Nguyễn Hữu Trí, nhưng trên đường sang Ấn Độ, khi

đoàn vào Sài Gòn gặp Bộ Ngoại giao nguy quyền, Thượng toạ Tố Liên đã tuyên bố dứt khoát: "Chúng tôi đi đây chỉ là phái đoàn Phật giáo Việt Nam, chứ không phải là phái đoàn Phật giáo do chính phủ cử đi để tránh là Phật giáo đi làm chính trị. Nếu phái đoàn Phật giáo chúng tôi chỉ đi với nhiệm vụ ấy thì tôi mới nhận đi với trách nhiệm trưởng phái đoàn Phật giáo Việt Nam"⁽¹⁸⁾.

Từ những sự kiện nêu trên và qua một số hoạt động bên lề Hội nghị Phật giáo thế giới năm 1950 tại Ấn Độ cho thấy quan điểm và việc làm của Thượng toạ Tố Liên khi ở lại vùng địch tạm chiếm, cụ thể là chùa Quán Sứ, Hà Nội, nhằm âm thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn binh lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh.

Tóm lại, trong điều kiện của chính quyền thực dân, của phong trào đấu tranh yêu nước và cách mạng đương thời, Phật giáo Miền Bắc đã có nhiều đóng góp thực sự cho sự nghiệp giải phóng dân tộc trước, trong và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945./.

17. Bùi Hữu Dược. Bài đã dẫn.

18. Thượng toạ Tố Liên. *Kỉ sự phái đoàn Phật giáo Việt Nam đi Ấn Độ và Tích Lan*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2007, tr. 25-26.